TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/DS-ST Ngày: 30-3-2023 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thơ

2. Ông Lê Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2022/TLST-DS ngày 13/12/2022 về việc "*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS ngày 08/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-DS ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu V, sinh năm …;

Địa chỉ: Ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Dương Hoàng V, sinh năm .... Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2021).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm …;

Địa chỉ: Số b, tổ b, ấp m, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông V có mặt tại phiên tòa, bà N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thu V có người đại diện hợp pháp là ông Dương Hoàng V trình bày:

Ngày 20/6/2020 bà N đến nhà bà V để vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng (lúc lập biên nhận không có thỏa thuận lãi suất, sau ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện thì hai bên mới xác định lãi suất và nguyên đơn tự ghi vào biên nhận), thời hạn vay 03 tháng, trả vốn và toàn bộ lãi khi hết hạn. Nhưng khi đến hạn trả nợ thì bà N vẫn không trả vốn và lãi cho bà V.

Nay bà V yêu cầu bà N phải trả cho bà V số tiền gốc và lãi đã vay gồm:

Số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày vay 20/6/2020 đến ngày 20/8/2022 (26 tháng) theo mức lãi suất 1,66%/tháng, số tiền lãi là 2.158.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 7.158.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 20/8/2022.

Tại phiên tòa, ông V là người đại diện hợp pháp của bà V trình bày: Do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất 3%/tháng nên Bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, bà V yêu cầu bà N trả số tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, không yêu cầu bà N trả tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị N nhưng bà N vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Lê Thị N có nơi cư trú tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà V yêu cầu bà N trả cho bà V số tiền gốc 5.000.000 đồng trên cơ sở biên nhận ngày 20/6/2020. Tòa án đã

thông báo cho bà N về nội dung này nhưng bà N không có ý kiến, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét biên nhận mượn tiền ngày 20/6/2020 thể hiện bà Lê Thị N có vay của bà Trần Thị Thu V số tiền 5.000.000 đồng, không xác định thời hạn, không thỏa thuận lãi suất, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 5.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét tiền lãi: Tại phiên tòa, ông V là người đại diện hợp pháp của bà V không yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà V từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến trước ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà chỉ tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là có lợi cho bà N và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu V.

Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thu V số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thu V được nhận tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011872 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân